TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Văn Bá**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1976. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Trần Bích Th**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người làm chứng: Ông **Phạm Văn K**, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/3/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th xây dựng hôn nhân vào năm 1998 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/02/2003. Thời gian chung sống được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải

vả nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Th.

- Về con chung: có hai con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 02/12/2001 và Huỳnh Thị Thanh Th, sinh ngày 02/12/2001 hiện đang sống chung với chị Th, nay anh để chị Th được tiếp tục nuôi hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 06/6/2018, người làm chứng ông Phạm Văn K trình bày: Vợ chồng anh K về sống ở ấp M, xã T khoảng 06 năm, trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn gì hay không thì ông không biết nhưng vợ của anh K là Trần Bích Th cùng hai con đi làm ở Bình Dương và vẫn có về địa phương thường xuyên.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Th. Về con chung để chị Th được tiếp tục nuôi hai con chung, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Văn K, xử cho anh K ly hôn với chị Trần Bích Th. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Văn Th, sinh ngày 02/12/2001 và cháu Huỳnh Thị Thanh Th, sinh ngày 02/12/2001 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con, anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: anh Huỳnh Văn K thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho anh K theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn xin ly hôn của anh Huỳnh Văn K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Trần Bích Th cư trú tại ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn chị Trần Bích Th được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Người làm chứng ông Phạm Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông K đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Huỳnh Văn K và chị Trần Bích Th thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45 vào ngày 14/02/2003 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh K và chị Th là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2014 đến nay không ai giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Toà án hoà giải giúp đở đoàn tụ nhưng chị Th vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh K và chị Th không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh K là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung Huỳnh Văn Th, sinh ngày 02/12/2001 và Huỳnh Thị Thanh Th, sinh ngày 02/12/2001 hiện đang sống trực tiếp với chị Th, anh K cũng đồng ý để cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Th không có văn bản ý kiến về việc có yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con hay không. Nên Hội đồng xét xử xét giao hai con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Văn K không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Văn K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng anh K thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí cho anh K theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Huỳnh Văn K. Xử cho anh K ly hôn với chị Trần Bích Th.

2. Về con chung:

Giao hai con chung tên Huỳnh Văn Th, sinh ngày 02/12/2001 và Huỳnh Thị Thanh Th, sinh ngày 02/12/2001 cho chị Trần Bích Th tiếp tục nuôi dưỡng, anh Huỳnh Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Huỳnh Văn K.

Hoàn trả lại cho anh Huỳnh Văn K số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh K đã nộp theo biên lai thu số 0014481 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 14/02/2003);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm